

....., ngày 30 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO

Tổng kết hoạt động quản lý quỹ/công ty đầu tư chứng khoán

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Thông tin về quỹ/công ty đầu tư chứng khoán

a) Tên của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán, loại hình quỹ/công ty đầu tư chứng khoán: Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng (GDEGF)

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán:

Quỹ hướng đến tối đa hóa lợi nhuận đầu tư và sự tăng trưởng đầu tư trong trung và dài hạn thông qua phân bổ tỷ trọng đa số vào các cổ phiếu của các công ty vốn hóa vừa và lớn, có tiềm năng tăng trưởng cao

c) Thời hạn hoạt động của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán (nếu có): Không có thời hạn

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) (nếu có): Không có

e) Chính sách phân chia lợi nhuận;

Quyết định mức lợi nhuận phân phối theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức và phương thức phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh

f) Số lượng đơn vị quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đang lưu hành: 5.063.240,77

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ quỹ/Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán trong kỳ báo cáo (nếu có);

STT	Khoản mục, điều của điều lệ mới	Khoản mục, điều của điều lệ cũ	Lý do sửa đổi bổ sung
1	Điều 9.2 – Chiến Lược Đầu Tư, Chính Sách Đầu Tư Và Phân Bò Tài Sản Khoản mục, điều của Điều lệ mới: 9.2. Các loại tài sản mà Quỹ được đầu tư bao gồm: a) Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp Luật; c) Công cụ nợ của Chính phủ,	9.2. Các loại tài sản mà Quỹ được đầu tư bao gồm: a) Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp Luật; c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương; kể cả các giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao	Quỹ cập nhật danh mục tài sản được phép đầu tư sau khi đã đạt đủ điều kiện về việc có tối thiểu 02 người điều quỹ có chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh.

(Chữ ký)

	<p>trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương; kể cả các giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ;</p> <p>d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;</p> <p>e) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành;</p> <p>f) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;</p> <p>g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.</p>	<p>dịch công cụ nợ của Chính phủ;</p> <p>d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;</p> <p>e) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành;</p> <p>f) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.</p>	
2	<p>Điều 10.1 – Hạn chế đầu tư Khoản mục, điều của Điều lệ mới:</p> <p>10.1. Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều Lệ Quỹ và quy định của Pháp Luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:</p>	<p>10.1. Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều Lệ Quỹ và quy định của Pháp Luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:</p> <p>a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát, Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng tài sản</p>	<p>Quỹ cập nhật hạn chế đầu tư đối với danh mục tài sản được phép đầu tư sau khi đã đạt đủ điều kiện về việc có tối thiểu 02 người điều quỹ có chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh</p>

<p>a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát, Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng tài sản của Quỹ vào các tài sản tại điểm (a), (b) Điều 9.2 của Điều Lệ Quỹ;</p> <p>b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;</p> <p>c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, và các tài sản quy định tại điểm (a), (b) Điều 9.2 Điều Lệ Quỹ của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;</p> <p>d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại các điểm (a), (b), (d), (e) và (f) Điều 9.2 của Điều Lệ Quỹ phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên ba mươi lăm phần trăm (35%) cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;</p> <p>e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điều 9.2.(e) của Điều Lệ Quỹ;</p> <p>f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ.</p>	<p>của Quỹ vào các tài sản tại điểm (a), (b) Điều 9.2 của Điều Lệ Quỹ;</p> <p>b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;</p> <p>c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, và các tài sản quy định tại điểm (a), (b) Điều 9.2 Điều Lệ Quỹ của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;</p> <p>d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại các điểm (a), (b), (d), (e) Điều 9.2 của Điều Lệ Quỹ phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên ba mươi lăm phần trăm (35%) cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;</p> <p>e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điều 9.2.(e) của Điều Lệ Quỹ;</p> <p>f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng Mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm (b), (d), (e) của Điều 9.2 Điều Lệ Quỹ (ngoại trừ chứng</p>	
--	--	--

32
CỘ
CỘ
UẢ
VI

John

<p>Trong đó, hạng Mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm (b), (d), (e) và (g) của Điều 9.2 Điều Lệ Quỹ (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (05%) trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ.</p> <p>g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;</p> <p>h) Không được đầu tư vào CCQ của chính Quỹ;</p> <p>i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;</p> <p>j) Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành; và</p> <p>k) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:</p> <p>(i) Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số CCQ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;</p> <p>(ii) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;</p> <p>(iii) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu</p>	<p>chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (05%) trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ.</p> <p>g) Không được đầu tư vào CCQ của chính Quỹ;</p> <p>h) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;</p> <p>i) Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành; và</p> <p>j) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:</p> <p>(i) Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số CCQ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;</p> <p>(ii) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;</p> <p>(iii) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng</p>	
---	---	--

	công ty đầu tư chứng khoán đại chúng		
3	<p>Bổ sung điểm e tại Điều 36.7 Khoản mục, điều của Điều lệ mới:</p> <p>Chỉ sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phái sinh niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán với mục đích phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ. Việc đầu tư tài sản của quỹ vào chứng khoán phái sinh phải tuân thủ quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Quỹ;</p>	Chưa có nội dung này	Quỹ cập nhật hạn chế đầu tư đối với danh mục tài sản được phép đầu tư sau khi đã đạt đủ điều kiện về việc có tối thiểu 02 người điều quỹ có chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sin

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư/Đại hội đồng cổ đông trong kỳ báo cáo (nếu có);

Căn cứ đề xuất của Công ty cổ phần quản lý HD (HDCapital), công ty quản lý quỹ của Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ trong năm 2025 đã họp và ban hành các Nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 01.25/GDEGF/BDDQ/NQ ngày 14/8/2025:
 - Thông qua danh sách tổ chức cung cấp dịch vụ báo giá cho Quỹ.
 - Thông qua Sổ tay định giá.
 - Thông qua danh sách ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ.
 - Thông qua danh sách tổ chức tín dụng để Quỹ đầu tư công cụ thị trường tiền tệ.
 - Lựa chọn Công ty TNHH Ernest&Young làm tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC 2025.
 - Miễn nhiệm Ông Vũ Trần Vĩnh Thụy và Bổ nhiệm Ông Bùi Trọng Nghĩa.
- Nghị quyết 1812/2025/BDDQ-NQ ngày 18/12/2025 thông qua kết quả báo cáo tình hình hoạt động của Quỹ

i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán: Xem mục 4 - **Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát** của báo cáo này

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất (nếu có), cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
1	Chứng khoán	81.70%	-	-
2	Tài sản khác	18.30%	-	-
	Tổng cộng	100%	-	-

Handwritten signature

Danh mục đầu tư được phân bổ theo ngành như sau:

STT	Ngành	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
1	Bất động sản	20.4%	-	-
2	Ngân hàng	14.5%	-	-
3	Tài nguyên Cơ bản	9.2%	-	-
4	Thực phẩm và đồ uống	9.1%	-	-
5	Dịch vụ tài chính	6.9%	-	-
6	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6.6%	-	-
7	Bán lẻ	3.5%	-	-
8	Hóa chất	3.2%	-	-
9	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.7%	-	-
10	Xây dựng và Vật liệu	2.7%	-	-
11	Dầu khí	1.7%	-	-
12	Y tế	0.6%	-	-
13	Công nghệ Thông tin	0.6%	-	-
14	Tiền	18.3%	-	-
15	Phái sinh	0.0%	-	-
	Tổng cộng	100%	-	-

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ/một cổ phiếu; số lượng chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đang lưu hành; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ/một cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán cao nhất/thấp nhất trong năm;

Chỉ tiêu	31/12/2025
Giá trị tài sản ròng của Quỹ (đồng)	46,074,012,417
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	5,063,241
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (đồng)	9,099.71
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (đồng)	10,152.51
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (đồng)	8,758.25
Thu nhập của quỹ (đồng)	(3,747,843,711)
Tiền lãi nhận được (đồng)	23,308,789
Trái tức/Cổ tức nhận được (đồng)	257,400,000
Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư (đồng)	(435,871,257)
Chênh lệch tăng/giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện (đồng)	(3,592,681,243)
Doanh thu khác	-

Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	(897)
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	(897)
Ngày chốt quyền	
Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	3.66%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	123.62%

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kê cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối năm tài chính): 123.62%

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau của công ty đầu tư chứng khoán (nếu có), các giao dịch repo/reverse repo: không có

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác;

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập.

d) Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): không có

b) Thuyết minh về việc quỹ/công ty đầu tư chứng khoán có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán): Quỹ không có chỉ số tham chiếu cụ thể

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): không có

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị); Không có

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ/công ty đầu tư chứng khoán đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Quỹ không thay đổi chiến lược đầu tư trong kỳ, cụ thể chiến lược đầu tư của quỹ như sau:

Chiến lược đầu tư của Quỹ được xây dựng linh hoạt theo từng thời kỳ nhằm đạt được mục tiêu đầu tư dựa trên các phân tích, đánh giá kinh tế vĩ mô, chu kỳ kinh tế và yếu tố thị trường. Tuy nhiên, chiến lược đầu tư của Quỹ không nằm ngoài chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị hay sự kết hợp của cả hai chiến lược này.

Theo đó, chiến lược của Quỹ bao gồm nhưng không hạn chế đầu tư vào: nhóm chứng khoán của nhóm công

ty đầu ngành hoặc có tiềm năng trở thành các công ty đầu ngành, bao gồm cả cổ phiếu có vốn hóa vừa và lớn; nhóm chứng khoán có tiềm năng tăng trưởng tốt trong dài hạn và/hoặc có tính cạnh tranh cao; nhóm chứng khoán có định giá hấp dẫn; nhóm chứng khoán có lợi tức cao, ổn định.

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán năm liền kề năm báo cáo: Do Quỹ được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 05 năm 2025, tại thời điểm lập Báo cáo năm 2025, Quỹ chưa có dữ liệu danh mục đầu tư của năm liền kề trước đó (năm 2024) để thực hiện so sánh

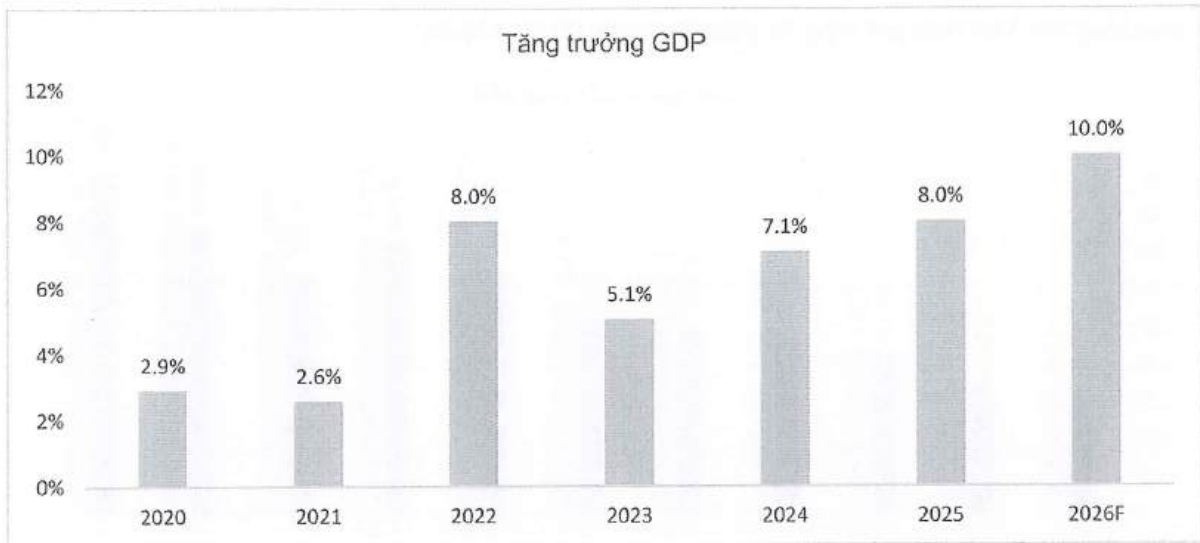
g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất: Tính đến 31/12/2025, Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ đạt 9,103.3, giảm 8,97% so với giá trị tại thời điểm quỹ bắt đầu hoạt động. Nguyên nhân đến từ việc Quỹ chính thức hoàn thành tất cả các thủ tục để có thể giải ngân là từ cuối tháng 07 năm 2025, là thời điểm thị trường đã trải qua nhịp tăng mạnh. Sau thời điểm đó, thị trường tiếp tục tăng điểm mạnh nhưng chủ yếu đến từ nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn như nhóm Vingroup trong khi phần lớn các cổ phiếu không có hiệu suất tích cực.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ/công ty đầu tư chứng khoán đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap): Tại thời điểm 31/12/2025 so với cuối năm 2024, chỉ số VN-Index tăng 40.9%, chỉ số VN30 đại diện cho các cổ phiếu có vốn hóa lớn và thanh khoản hàng đầu Việt Nam tăng 51.0%, chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa vừa (VNMid-cap) tăng 16.7% và chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa nhỏ (VNSmall-cap) tăng 1.7%. Những ngành tăng trưởng tốt nhất là Bất động sản (+213.8%), Tài chính (38.4%), Công nghiệp (+32.5%)...

Kinh tế Vĩ mô

Năm 2025 đánh dấu một cột mốc quan trọng trong hành trình phát triển kinh tế của Việt Nam, khi nền kinh tế vượt qua nhiều trở lực từ môi trường quốc tế để đạt được kết quả toàn diện và ấn tượng trên hầu hết các lĩnh vực.

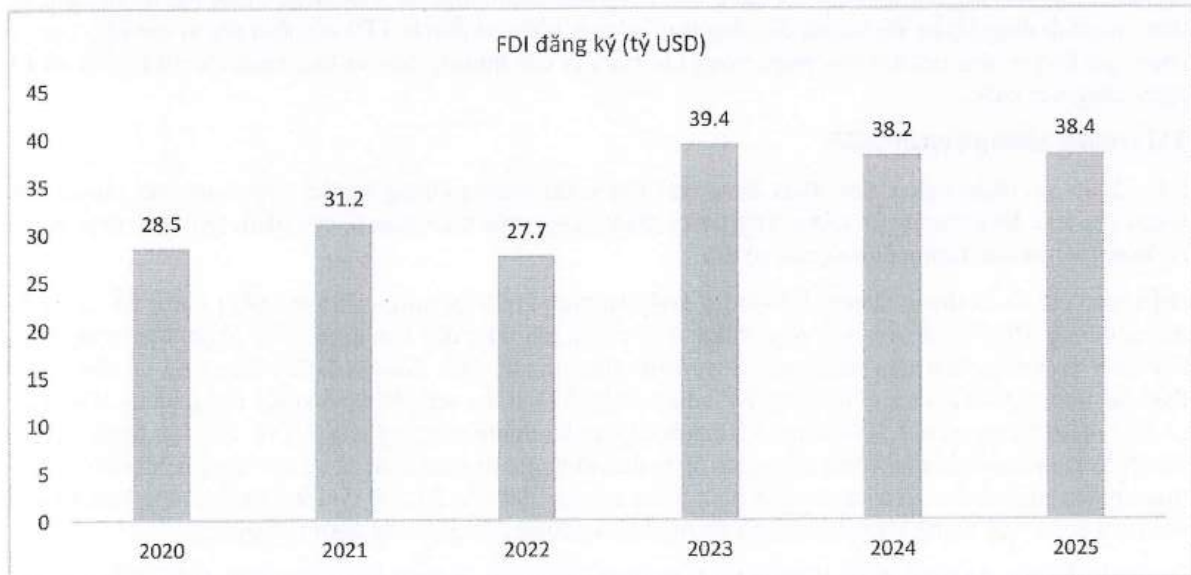
Tăng trưởng GDP đạt 8,02% - mức cao thứ hai trong giai đoạn 2011-2025, xếp Việt Nam vào nhóm tăng trưởng hàng đầu khu vực ASEAN và thế giới. Quy mô GDP theo giá hiện hành ước đạt 514 tỷ USD, đưa Việt Nam lên vị trí thứ 32 thế giới. GDP bình quân đầu người đạt 5.026 USD, lần đầu tiên đưa Việt Nam chính thức gia nhập nhóm quốc gia có thu nhập trung bình cao. Động lực tăng trưởng đến từ cả hai đầu tàu: khu vực công nghiệp và xây dựng - đặc biệt ngành chế biến, chế tạo tăng 9,97%, mức cao nhất giai đoạn 2019-2025 - đóng góp 31,49% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế.



Nguồn: Fiiipro&HDCap

Ổn định kinh tế vĩ mô được duy trì vững chắc. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 tăng 3,31% so với năm trước - nằm trong vùng mục tiêu dưới 4,5% mà Chính phủ đặt ra, đảm bảo đời sống người dân không bị bào mòn bởi sự tăng giá trong bối cảnh tăng trưởng cao. Về tài khóa, bội chi ngân sách ở mức khoảng 3,6% GDP (thấp hơn dự toán 3,8%), nợ công ở mức 35–36% GDP - an toàn trong ngưỡng trần 60% được Quốc hội phê duyệt.

Thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) tiếp tục là điểm sáng nổi bật. Vốn FDI thực hiện cả năm đạt 27,62 tỷ USD - tăng 9% so với năm trước và xác lập mức cao nhất trong giai đoạn 2021–2025 - trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 82,8% tổng vốn giải ngân. Việt Nam tiếp tục là điểm đến hàng đầu của dòng vốn FDI chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và năng lượng xanh.

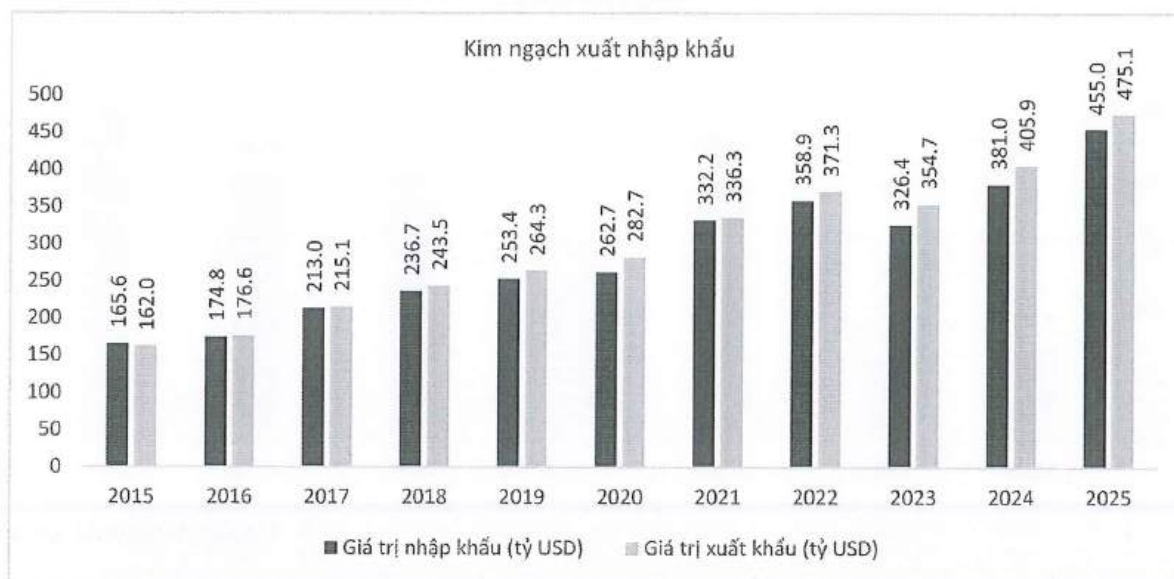


Nguồn: Fiiipro

Thương mại quốc tế ghi nhận năm thứ mười liên tiếp xuất siêu. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng trưởng 16,0% trong chín tháng đầu năm, xuất siêu đạt khoảng 16,82 tỷ USD, cho thấy khả năng chống chịu và đa dạng hóa thị trường của nền kinh tế. Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới tiếp tục phát huy hiệu quả,

Signature

giúp hàng hóa Việt Nam giữ vững thị phần tại các thị trường chủ lực.



Nguồn: Fiinpro

Hạ tầng và thể chế có bước đột phá đáng kể. Năm 2025 chứng kiến sự hoàn thiện cơ bản của trục cao tốc Bắc - Nam phía Đông và đưa vào khai thác hàng loạt dự án hạ tầng trọng điểm, tạo ra không gian phát triển mới và giảm chi phí logistics cho doanh nghiệp. Về cải cách bộ máy, từ ngày 1/7/2025, mô hình chính quyền địa phương hai cấp (không còn cấp huyện) chính thức vận hành tại 34 tỉnh thành - mở rộng không gian phát triển mới và tạo nền tảng để đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn đối mặt với một số thách thức không thể xem nhẹ. Ngày 3/4/2025, Hoa Kỳ công bố mức thuế đối ứng lên tới 46% áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam - một bất lợi lớn đối với lĩnh vực xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó, tăng trưởng xuất khẩu và đầu tư FDI vẫn dựa nhiều vào khu vực gia công, giá trị gia tăng nội địa còn thấp, trong khi các rào cản thương mại và tiêu chuẩn xanh tại Mỹ và EU ngày càng siết chặt.

Thị trường chứng khoán 2025

Năm 2025 ghi nhận nhiều biến động đáng chú ý trên thị trường chứng khoán Việt Nam, với chỉ số VN-Index đạt mức tăng trưởng ấn tượng về mặt kỹ thuật, song diễn biến thực tế của phần lớn danh mục đầu tư lại không phản ánh tương đương con số đó.

Diễn biến chỉ số và thanh khoản. VN-Index khép lại năm 2025 tại mức 1.784,49 điểm - tăng 517,71 điểm tương đương 40,87% so với cuối năm 2024. Tuy nhiên, đà tăng này cần được nhìn nhận thận trọng trong bối cảnh thị trường trải qua nhiều giai đoạn biến động mạnh. Đầu tháng 4/2025, thông tin về chính sách thuế đối ứng của Tổng thống Mỹ Donald Trump đã kích hoạt làn sóng bán tháo diện rộng, khiến VN-Index có thời điểm thủng mốc 1.100 điểm. Về thanh khoản, hệ thống công nghệ KRX đi vào vận hành từ ngày 5/5/2025 tạo ra sự cải thiện về hạ tầng giao dịch, đưa tổng giá trị giao dịch cả ba sàn lên gần 83.000 tỷ đồng trong phiên ngày 5/8. Giá trị giao dịch bình quân cả năm đạt gần 29.500 tỷ đồng/phiên, tăng hơn 40% so với năm 2024 - dù thanh khoản cải thiện nhưng không đồng đều giữa các nhóm cổ phiếu.

Sự phân hóa sâu sắc giữa chỉ số và thực tế thị trường. Điểm cần đặc biệt lưu ý là mức tăng 40,87% của VN-Index không phản ánh trung thực hiệu suất của phần lớn cổ phiếu niêm yết. Đà tăng của chỉ số trong năm 2025 phụ thuộc đáng kể vào sự bứt phá của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, nổi bật là hệ sinh thái Vingroup (VIC, VHM, VRE) - nhóm có trọng số chi phối trong rổ tính VN-Index. Sự hồi phục và tăng tốc của riêng nhóm cổ phiếu này đã kéo chỉ số đầu lên đáng kể, trong khi phần lớn cổ phiếu trên sàn - đặc biệt nhóm vốn

hóa vừa và nhỏ - có diễn biến kém tích cực hơn rõ rệt so với chỉ số, thậm chí nhiều mã đi ngang hoặc giảm trong cả năm. Hiện tượng phân hóa này khiến chỉ số VN-Index trở nên kém đại diện hơn cho sức khỏe tổng thể của thị trường, và là nguyên nhân phổ biến dẫn đến kết quả của các danh mục đầu tư đa dạng hóa thường thấp hơn đáng kể so với mức tăng của chỉ số.

Quy mô và cơ sở nhà đầu tư. Vốn hóa thị trường cổ phiếu Việt Nam lần đầu tiên vượt mốc 10 triệu tỷ đồng vào ngày giao dịch cuối năm 2025 - song con số này phần lớn phản ánh sự tăng giá tập trung ở nhóm vốn hóa lớn như đề cập ở trên. Tính đến hết tháng 12/2025, toàn thị trường có gần 11,6 triệu tài khoản chứng khoán - tăng thêm gần 2,3 triệu tài khoản so với cuối năm 2024. Thị trường trái phiếu ghi nhận sự cải thiện với giá trị giao dịch bình quân đạt khoảng 15.000 tỷ đồng/phiên, tăng 26,8% so với năm trước, trong khi tổng giá trị niêm yết toàn thị trường đạt 2.623 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 22,8% GDP.

Sự kiện thể chế - Nâng hạng thị trường. Một sự kiện đáng ghi nhận về mặt thể chế là thị trường chứng khoán Việt Nam chính thức được FTSE Russell nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp trong năm 2025, được hỗ trợ bởi việc hệ thống KRX đi vào vận hành từ ngày 05/5/2025. Ngày 12/9/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2014/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam. FTSE Russell ước tính dòng vốn ngoại có thể đổ vào lên tới 6 tỷ USD khi nâng hạng chính thức có hiệu lực, trong khi HSBC đưa ra dự báo thận trọng hơn ở mức 3,4 tỷ USD. Tuy nhiên, tác động thực tế đến dòng vốn ngoại trong năm 2025 còn hạn chế khi áp lực tỷ giá USD/VND tăng khoảng 3,33% trong cả năm cùng với làn sóng dịch chuyển dòng vốn toàn cầu tiếp tục gây áp lực lên danh mục của nhà đầu tư nước ngoài.

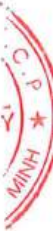
Triển vọng thị trường chứng khoán 2026

Thị trường chứng khoán Việt Nam bước vào năm 2026 trong bối cảnh vĩ mô thuận lợi và với nhiều yếu tố mang tính nền tảng được củng cố vững chắc. Tăng trưởng GDP năm 2025 đạt 8,02%, vượt mục tiêu đề ra, qua đó tiếp tục tạo nền tảng tích cực hỗ trợ cho sự phát triển của thị trường chứng khoán. Năm 2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng khi là năm mở đầu cho kỷ nguyên phát triển mới của đất nước, đồng thời là năm củng cố vị thế thị trường mới nổi với yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động, tính ổn định, minh bạch và bền vững.

Về môi trường chính sách và thể chế, với mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân trên 10% trong giai đoạn 2026–2030, Chính phủ xác định thị trường vốn – trong đó có thị trường chứng khoán – phải phát huy mạnh mẽ hơn vai trò là kênh huy động vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế. Đây là định hướng tạo nền tảng chính sách vĩ mô hỗ trợ dài hạn cho thị trường.

Một điểm nhấn quan trọng là cột mốc nâng hạng thị trường. Trong kỳ rà soát tháng 9/2025, FTSE Russell xác nhận Việt Nam đã đáp ứng toàn bộ tiêu chí của Thị trường Mới nổi thứ cấp – cột mốc lịch sử phản ánh cam kết cải cách mạnh mẽ nhằm nâng cao tính minh bạch và khả năng tiếp cận của thị trường vốn. Thông tư 08/2026/TT-BTC có hiệu lực từ đầu tháng 2/2026 cho phép nhà đầu tư nước ngoài đặt lệnh thông qua công ty chứng khoán toàn cầu mà không cần mở tài khoản giao dịch trong nước, giúp rút ngắn thủ tục, giảm chi phí và tiệm cận thông lệ quốc tế.

Lợi nhuận các doanh nghiệp niêm yết dự báo tăng 15% trong năm 2026, vượt trội so với các thị trường trong khu vực, trong khi P/E dự phóng 2026 hiện ở mức 12,7x – thấp hơn mức trung bình lịch sử tạo ra các cơ hội hấp dẫn cho đầu tư dài hạn.



Định giá Thị trường Chứng Khoán Việt Nam - P/E



Nguồn: Fiinpro

Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội, thị trường vẫn đối mặt với một số rủi ro cần lưu ý. Dù triển vọng trung và dài hạn được đánh giá tích cực, thị trường vẫn phải đối mặt với những thách thức liên quan đến mặt bằng lãi suất, diễn biến của thị trường bất động sản và các rủi ro toàn cầu, đòi hỏi nhà đầu tư duy trì sự thận trọng trong quá trình phân bổ vốn.

Tổng thể, năm 2026 là giai đoạn then chốt khi thị trường chứng khoán cần chuyển từ "đạt điều kiện" sang "vận hành ổn định và bền vững" theo chuẩn mực của thị trường mới nổi. Với sự hỗ trợ của các yếu tố nền tảng vĩ mô, cải cách thể chế, lộ trình nâng hạng và định giá hấp dẫn, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2026 được đánh giá sẽ tiếp tục là kênh phân bổ vốn trung và dài hạn hiệu quả, mang lại cơ hội gia tăng giá trị cho các nhà đầu tư có chiến lược đầu tư có chọn lọc và kỷ luật.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): không có

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ/cổ đông công ty đầu tư chứng khoán: không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có

m) Các thông tin khác (nếu có).

Trường hợp là quỹ/công ty đầu tư chứng khoán bất động sản, bổ sung các nội dung:

a) Thông tin về hiện trạng và khả năng khai thác bất động sản trong kỳ. Thông tin về các giao dịch (mua-bán) bất động sản trong kỳ;

b) Đánh giá về tổ chức cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản;

c) Thông tin về hoạt động định giá bất động sản trong kỳ. Mô tả chênh lệch giữa giá gốc và giá trị của bất động sản được định giá lại trong kỳ;

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rồng Vàng ("Quỹ GDEGF"). Cho giai đoạn từ ngày 21 tháng 07 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ GDEGF đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ GDEGF đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về

Quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và văn bản pháp luật liên quan ngoại trừ: thời điểm ngày định giá 28/08/2025 cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đầu tư cổ phiếu tăng trưởng RỒNG VÀNG chưa tuân thủ đúng quy định tại Điều lệ quỹ và các văn bản pháp luật liên quan khi đầu tư vào tài sản chứng khoán phái sinh hợp đồng tương lai chỉ số VN30F2509. Căn cứ quy định tại Khoản 9.2 Điều 9 Điều lệ của Quỹ: Chứng khoán phái sinh không thuộc các loại tài sản mà Quỹ được phép đầu tư. Ngay sau khi phát hiện vi phạm, Quỹ đã tiến hành điều chỉnh cơ cấu danh mục đầu tư, thực hiện tất toán toàn bộ khoản đầu tư chứng khoán phái sinh nêu trên trong phiên giao dịch ngày 29/08/2025 nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Điều lệ Quỹ và các quy định pháp luật hiện hành.

- b) Việc lưu ký tài sản của Quỹ GDEGF đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ GDEGF đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- e) Trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 07 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ GDEGF không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyên nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán.

Nội dung	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
1. Tổng chi phí ủy quyền (đồng)	214,422,144	-	-
2. Tổng chi phí hoạt động của quỹ (đồng)	795,308,244	-	-
3. Tổng lợi nhuận của quỹ (đồng)	(4,543,151,955)	-	-
4. Tổng thu nhập của quỹ (đồng)	(3,747,843,711)	-	-
5. Tỷ lệ Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí hoạt động quỹ	26.96%	-	-
6. Tỷ lệ Tổng chi phí ủy quyền/Tổng lợi nhuận quỹ	N/A	-	-
7. Tỷ lệ Tổng chi phí ủy quyền/Tổng thu nhập quỹ	N/A	-	-

- b) Việc đăng ký sở hữu tài sản (đối với trường hợp công ty đầu tư chứng khoán bất động sản): Không có
- c) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ/công ty đầu tư

chứng khoán: Không có

d) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

Nội dung	Từ 01/01/2024 đến 01/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
1. Tổng chi phí ủy quyền phải trả	214,422,144	-	-
2. Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	97,325,371	-	-
3. Phí dịch vụ giám sát	29,274,193	-	-
4. Phí dịch vụ quản trị quỹ mở	87,822,580	-	-

đ) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư:

Dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ GDEGF được cung cấp bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV). Theo đánh giá của chúng tôi, BIDV là đơn vị uy tín, có kinh nghiệm trên thị trường với hạ tầng vững chắc bao gồm đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, vận hành chuyên nghiệp, các nghiệp vụ ủy quyền được thiết lập quản lý tách bạch, hệ thống phần mềm hiện đại đáp ứng nhu cầu quản lý,... Do đó, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của Ngân hàng nhận ủy quyền đảm bảo hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư của nhà đầu

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:



Nguyễn Thành Long